

VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ĐỖ QUANG HÙNG

Hành trình tư tưởng của Hồ Chí Minh thực là dài và phong phú. Khi học ở Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành đã say mê tư tưởng Pháp rung chuyển châu Âu. Ở Anh và chính ở Mỹ là tư tưởng Độc lập và quan điểm nhân quyền của hệ tư tưởng Mỹ trong cách mạng 1776. Đó cũng là tư tưởng của chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên sau cách mạng Tân Hợi (1911). Đặc biệt, đương nhiên quan trọng nhất là chủ nghĩa Mác – Lênin với chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, chủ nghĩa xã hội khoa học, cộng sản khoa học đặc biệt sau cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại mà chính Người đã tự coi là “cái cảm nung thần kỳ” cho bản thân và dân tộc ta.

Nói như vậy để khẳng định thêm rằng, khi trở thành người cộng sản ở Hồ Chí Minh đã chứa đựng nhiều nguồn tư tưởng: truyền thống tư tưởng, tâm lý dân tộc, thuyết Khổng Mạnh, tư tưởng cách mạng tư sản phương Tây, học thuyết Tôn Dật Tiên, có lẽ cả tư tưởng Lão Trang cũng có dấu vết ít nhiều. Đặc tính tư tưởng này của Hồ Chí Minh sẽ in rõ trong tư duy của Người về tôn giáo tín ngưỡng, một trong những lĩnh vực nhạy cảm nhất với đời sống tinh thần nhân loại xưa nay.

Như đã nói ở phần trên, trước 1945 Nguyễn Ái Quốc nói nhiều về Khổng giáo (Nho học), vì chính Người cho rằng “thanh niên trong những gia đình ấy (nhà Nho An Nam) thường học Khổng Giáo” và “Những ông vua tôn sùng Khổng Tử” và họ khai thác Khổng Tử như bọn đế quốc khai thác Thiên chúa giáo” (Khổng Tử, 1927).

Với tôn giáo Việt Nam theo chúng tôi có 2 bài học quan trọng nhất. Trong bài *Báo cáo Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* (1924), có tầm cỡ tư tưởng, lý luận về nhiều mặt:

Nguyễn Ái Quốc tiếp tục phân tích về Nho giáo với cơ cấu chính trị, xã hội nước ta: “An Nam chưa bao giờ có tăng lữ và thuế mười phần trăm. Hoàng đế trị vì mà chẳng phải lo cai trị gì...Quan lại được tuyển chọn theo con đường dân chủ, con đường thi cử, mở rộng cho mọi người mà chẳng tốn kém gì. Hơn nữa, quyền lực quan lại được cân bằng tính tự trị của xã hội”⁽¹⁾.

Tài liệu thứ hai, gián tiếp, nhưng thật giá trị

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập I. Tr.464 – 465

Đó là bài *Thăm một chiến sĩ Quốc tế cộng sản – Nguyễn Ái Quốc* của nhà thơ Nga Oxip Mandenxtam (đăng trên tờ *Tia lửa nhỏ*, Liên Xô, số 39, ngày 23 – 12 – 1923), bài viết đã quen thuộc.

Nhưng chính trong bài, ngoài ý kiến về Nho giáo (Khổng giáo) và ảnh hưởng của nó trong các thế hệ nhà Nho Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc có những ý kiến thực chính xác, sắc sảo và cũng thật cập nhật với người nghiên cứu tôn giáo Việt Nam hôm nay.

Người (đưa ra nhận xét rất tinh tế): “Chúng tôi có phong tục lấy gạo ngon làm ra rượu uống, khi có bạn tới chơi hay khi có ngày giỗ tổ tiên...Người An nam không có linh mục, *không có tôn giáo theo cách nghĩ của châu Âu* (tác giả nhấn mạnh). Việc cúng bái tổ tiên trong gia đình hay các già bản là người thực hiện những lễ tưởng niệm. Chúng tôi không biết uy tín của người thầy cúng, linh mục là gì”⁽²⁾.

Chỉ với những quan điểm, ý kiến sắc nét trên, cũng phải ghi nhận những “giá trị về tôn giáo học” của Hồ Chí Minh.

Dĩ nhiên chủ đề “chủ nghĩa Giáo hội” là quan trọng nhất với Nguyễn Ái Quốc vì nó phù hợp với việc cần phải bóc trần chân tướng của chủ nghĩa thực dân (Pháp), trong đó sự câu kết giữa hai thế lực này gắn bó như chính những trương sách trong tổng thể một tác phẩm.

Nắm chắc lịch sử nước ta, theo dõi sát những tác phẩm của chính giới sử học Pháp đương thời, kể cả các giáo sĩ phương Tây như Charles B.Maybon, MC Bouilleaux, M.de la Bisachère và nhất là Allbert Septans...Nguyễn Ái Quốc có thể vạch mặt chỉ trán từng giáo sĩ thực dân thuộc *Hội truyền giáo nước ngoài Paris* (MEP) như P. de Béhaine, Lefebvre, Pelerin, đến các tướng tá, Đô đốc thực dân R.de Gienouilly, F.Garnier, H.Rivière...

Vượt lên trên sự phê phán của các nhà cách mạng Việt Nam đương thời, kể cả Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc còn dựa vào số liệu xã hội để vạch rõ bản chất kinh tế của sự câu kết giữa nhà thờ và thực dân. Người tố cáo những thủ đoạn vơ vét của giáo hội, “chính bằng cách đó, mà ở Nam Kỳ những nhà truyền đạo Thiên chúa có trên một phần tư đất đai cày cấy được. Ở Campuchia, các nhà truyền đạo nắm trên một phần ba ruộng đất...”⁽³⁾

Lúc đó, Người cũng đã có cái nhìn (cũng là cái nhìn chung của giới học giả phương Tây) về Nho giáo: “Khổng giáo không phải là tôn giáo mà là một thư khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử. Và trên cơ sở đó người ta đưa ra khái niệm về “thế giới đại đồng” (1923, đối thoại với Ôxip Mandenxtam).

⁽²⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập II. Tr. 210

³ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập II. Tr. 210

Nhắc lại là, bài *L'Indechnine* đăng trên tạp chí *La Revue Communiste* (5 – 1921), Nguyễn Ái Quốc đã trân trọng nhắc đến tư tưởng “thế giới đại đồng” và thẳng thắn gọi nhà tư tưởng đó là “Khổng Tử vĩ đại” (Le grand Confucius). Nguyễn Ái Quốc cũng đã đưa ra những ý kiến đầu tiên về “hệ thống tôn giáo dân tộc” trong đó đặc biệt về thờ cúng tổ tiên, phong tục làng quê Việt Nam vào năm 1923 ở Matxcova đã nêu trên. Nhận xét “Người An Nam không có tôn giáo theo cách nghĩ Châu Âu” lúc ấy của Nguyễn Ái Quốc cho phép ta liên hệ rằng, suy nghĩ về tôn giáo Việt Nam của Người thực độc đáo, nó đã bắt gặp những suy nghĩ hiện đại nhất của các nhà Đông phương học châu Âu như linh mục học giả L.Cadière lúc đó chẳng hạn.

Sau 1945, với “tôn giáo học” Hồ Chí Minh cũng tiếp tục theo hướng nghĩ, cách biểu đạt như thế, nghĩa là nói giản dị, rất cô đọng nhưng lại là những điều cốt lõi.

Bài *Tự do tín ngưỡng* với bút danh M.H đăng tải trên báo Nhân dân ngày 26/11/1952 là tiêu biểu. Người viết: “Những tôn giáo chính thức ở nước ta là đạo Phật và đạo Thiên Chúa. Phật Thích Ca là một người quý tộc. Người đã bỏ hết công danh phú quý để đi cứu vớt chúng sinh. Tức là cứu vớt những người lao động nghèo khổ. Chúa Giêsu là người lao động. Người vui lòng hy sinh tính mạng mình để cứu vớt những người lao động nghèo khổ chống lại bọn Phari-diêng tức bọn bóc lột. Mục đích cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giê-su đều giống nhau: Thích Ca và Giêsu đều muốn mọi người đều có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng”⁽⁴⁾.

Có thể là, về mặt lịch sử tôn giáo, nói về “Pharisiens” như trong bài là chưa chính xác và ai cũng biết đó là nhóm biệt phái Do Thái từ chối không công nhận Jesus là Thiên Chúa.

Là nhà chính trị, tất nhiên trước hết Hồ Chí Minh chú ý đến vấn đề “tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết”. Phải nói là bản thân tư tưởng này đối với các nước văn minh nói chung, nó đã là quen thuộc, có tính “cổ điển” trong mọi bộ luật tôn giáo của các quốc gia, cộng sản cùng tư bản. Cái độc đáo của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này là Người đã cố gắng *tạo ra cơ sở lý thuyết làm nền tảng* của sự đoàn kết và *hết sức mềm dẻo nhưng cương quyết đảm bảo những điều kiện thực sự* cho sự đoàn kết ấy.

Điều kiện nước ta sau cách mạng, như nói trên, thực sự không dễ thực hiện tư tưởng đúng đắn này.

Tầm nhìn xa của nhà chính trị, cái mẫn cảm của nhà hiền triết đã sớm giúp Người tìm ra *cái căn gốc, cái bất biến* cho chiến lược Đại đoàn kết, hòa hợp dân tộc mà một bộ phận là “đoàn kết tôn giáo”, đó là “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước” (1924, *Báo cáo về Bắc Kỳ...*)

⁴ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập I. Tr. 211

Người có những câu bất hủ: “Nước Phật ngày xưa có những bốn đảng phái làm tán lòng dân và hai Tổ quốc....Những người Việt Nam ngày nay chỉ có *một đảng phái là toàn dân* (cũng 1946, có lần Hồ Chí Minh đã đưa ra khái niệm về một “*Đảng dân tộc*” – ĐQH) quyết tâm giành độc lập. Tín đồ Phật giáo tin ở Phật, tín đồ Giatô tin ở Đức chúa trời cũng như chúng ta tin ở đạo Khổng. Đó là những bậc chí tôn nên chúng ta tin tưởng. Nhưng đối với dân ta, ta đừng làm gì trái với ý dân...”⁽⁵⁾. Hoặc một câu khác cũng có sắc thái như vậy: “Công giáo hay không Công giáo, Phật giáo hay không Phật giáo đều phải nên nỗ lực đấu tranh giành độc lập của nước nhà. Nhiệm vụ của toàn thể chúng ta là phải giữ gìn nền độc lập của nước nhà. Trong Công giáo có câu “Tam vị nhất thể”, nhà Phật có câu: “Vạn chúng nhất tâm”, nên chúng ta phải hy sinh cho nhân loại và chúng sinh”⁽⁶⁾

Tất nhiên trong lĩnh vực tế nhị, phức tạp như đời sống tôn giáo, lại ở vào thời điểm ấy, khi xung đột ý thức hệ đã đến mức nước lửa, thành 2 khối “cộng sản” và “tự do”. Hồ Chí Minh đã phải cố gắng biết bao nhiêu và cũng phải có tài năng ở tầm vĩ nhân mới có thể giải độc cho mặc cảm tai hại: “Việt Minh là Cộng sản, Cộng sản là duy vật vô thần, tự bản chất là chống và tiêu diệt tôn giáo”. Khi Hồ Chí Minh nói: “...những việc chính phủ đã làm đều phù hợp với tinh thần Phúc Âm” (1953) thì đã bắt gặp với logic mà người Công giáo chân chính thấy được: “Câu châm ngôn Pháp có nói: “Địch của địch là bạn ta”. Vậy thì vô luận cộng sản là thế nào, họ là địch của thực dân, tức là bạn của dân ta” (*Chủ nghĩa Gia – Tô và chủ nghĩa Cộng sản*)

Để thực hiện sự đoàn kết dân tộc và tôn giáo, trong những thời điểm sinh tử của chế độ Dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh nêu cao tấm gương của *lòng nhân*, truyền thống dân tộc “thương người như thể thương thân” và trên những chiều kích mới của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Lẽ dĩ nhiên là “chính sách” thì cũng có chính sách là chuyện sách lược. Nhưng với chính sách đoàn kết tôn giáo của Hồ Chí Minh – lĩnh vực tế nhị và phức tạp – thì đó luôn luôn là sự chân thành và chiến lược.

Ngay sau những vụ rào làng, giết hại cán bộ ta ở vùng Bùi Chu, Phát Diệm, vụ “Cây Mai” Thái Bình, vụ Trang Nứa (Hung Nguyên), Nghi Lộc – Diễn Châu (Nghệ An, 1952) đặc biệt vụ Quỳnh Lưu (1956), Hồ Chí Minh vẫn có thái độ như Phạm Văn Đồng nhận xét: “Đối với kẻ làm đường lạc lối, lòng Hồ Chủ Tịch còn rộng hơn biển cả. Người đã dạy phải khoan hồng, vui mừng đón rước những đứa con vì cảnh ngộ mà lạc bầy. Chúa Giêsu nói: gặp một người có lỗi mà hối cải thì trên trời vui mừng hơn gặp 99 vị tu hành. Cụ Hồ nói rằng, người Việt Nam ai cũng yêu nước, muốn nước độc lập thống nhất, ta kheo nhen chút than hồng ấy, nó sẽ cháy lên thành ngọn lửa”.

⁵ Báo *Cứu quốc*, 8 – 1 – 1946

⁶ Báo *Cứu quốc*, 15 – 1946

Đối với vấn đề Cao Đài, Hòa Hảo ở Nam Bộ cũng vậy. Chỉ cần đọc *Lời kêu gọi gửi đồng bào Cao Đài, Hòa Hảo* (Báo *Cứu quốc*, 3/5/1948) của Hồ Chí Minh: “Gần đây một số đồng bào Hòa Hảo đã quay về với Tổ quốc thân yêu... Tuy có một số đồng bào lầm lạc, qua một thời gian những người ấy đã dần dần giác ngộ và quay về với Tổ quốc. Nay đồng bào Hòa Hảo Sa Đéc đã xung phong bỏ quân giặc mà về với Tổ quốc thân yêu.

Chính phủ và toàn quốc đồng bào đang chờ đợi để hoan nghênh những người hiện đang làm đường theo giặc, sẽ noi ái quốc của anh em Hòa Hảo đó”

Sự mềm dẻo để thực hiện tư tưởng đoàn kết lương – giáo của Hồ Chí Minh có lúc còn tế nhị tinh tế đến lạ lùng. Trích Thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ: “Nhu Cụ đã hứa với tôi: Diệt phá dùm. Vậy nhờ Cụ báo cho đồng bào phá cầu ấy đi. Đồng thời làm một cầu phao hàng tre, để dân đi lại cho tiện. Đến khi cấp bách sẽ phá cầu phao.

Tôi tin chắc đồng bào ở đó sẽ hiểu đại nghĩa và nghe lời Cụ, sẽ hăng hái làm việc đó, để giúp sức cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc” (Thư 10/3/1947)⁽⁷⁾.

Tôn trọng Đức tin tôn giáo, kiên trì giáo dục lòng yêu nước, đoàn kết dân tộc nhưng Người cũng luôn nhắc nhở toàn Đảng, toàn dân phải cảnh giác, đấu tranh chống lại các thế lực đế quốc tay sai lợi dụng tôn giáo phá hoại khối đoàn kết.

Tiêu biểu cho thái độ ấy, chúng ta đọc thư Hồ Chí Minh gửi Giám mục Lê Hữu Từ ngày 2 – 3 – 1947:

“Tôi đã ra lệnh thả 7 người Đức Cha bảo lãnh...Dưới đây tôi xin nói riêng cho Đức Cha mấy điều: Tôi hiện có trong tay một số tài liệu, sau khi xem xét kỹ tài liệu ấy, tôi nhận thấy có 3 sự kiện sau đây: 1. Đồng bào Công giáo thù ghét bọn thực dân Pháp và họ có lòng yêu nước; 2. Họ cũng thù ghét Cộng sản; 3. Có những kẻ lợi dụng sự dễ tin của một số đồng bào Công giáo, bằng cách nói với họ rằng: Chính phủ là Việt Minh và Việt Minh là Cộng sản.

Điều thứ nhất thì đã rõ, khỏi cần bàn vô ích. Điều thứ 2: Chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật trái ngược nhau, rõ ràng là thế. Nhưng chính Ngài và tôi, chúng ta đồng ý với nhau rằng: Trong một nước văn minh, có tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, không được vu khống kẻ khác. Tuyên truyền không phải là tự do vô lễ...”⁽⁸⁾. Vẫn là phong cách Pháp mà Hồ Chí Minh hay sử dụng, hết sức nhã nhặn nhưng rất kiên quyết.

Quan tâm vun đắp cho *Hội Công giáo cứu quốc*, Hồ Chí Minh cũng là người ký quyết định thành lập *Việt Nam Phật giáo hội* (trụ sở 73 Quán Sứ, Hà Nội, 15/3/1946). Người cũng có ý

⁷ Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng. Tr. 158

⁸ Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng. Tr. 158

tưởng về một “Phong trào Công giáo tự trị” Việt Nam như ở Trung Quốc. Từ 1949 – 1952, Người đã viết nhiều bài đề cập đến Công giáo Trung Quốc...

Cũng trong bài *Tự do tín ngưỡng* (1951, đã dẫn), Người viết: “Đạo Thiên chúa ở nước ta có rất nhiều người Pháp và người châu Âu mà rất ít giám mục người Việt Nam”.

Trong cuốn *Bên giòng lịch sử Hồi ký 1940 – 1965*, Linh mục Cao Văn Luận kể: Năm 1946, ông ta được gặp Hồ Chủ tịch ở Paris. Khi nghe cụ Hồ nói về Công giáo Việt Nam chưa được tự lập, toàn cõi Việt Nam chỉ có 2/15 địa phận có Giám mục người Việt cai quản và mong sao cho các giáo dân Việt Nam đừng đi cầu kinh với cổ đạo Pháp....ông ta viết:

“Tôi hơi bất mãn vì cái quan niệm cứng nhắc của cụ Hồ.

Thưa cụ, Chủ tịch...nếu chúng tôi còn phân biệt người Pháp với người Việt trong việc đạo, thì Tòa Thánh sẽ cho rằng người Công giáo Việt Nam còn ấu trĩ, thiếu kỹ luật đạo và sẽ không thể xúc tiến việc trao quyền cai quản các địa phận và các họ đạo cho các giám mục và linh mục Việt Nam được” (tr.76,78).

Một tư tưởng đúng đắn, táo bạo rất hợp với lòng người Công giáo chân chính và có tinh thần dân tộc như vậy mà nào có dễ thực hiện trong điều kiện lịch sử đó!

Nhưng có lẽ, viên ngọc sáng nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo tín ngưỡng là Người sớm nhìn nhận vấn đề *trên bình diện văn hóa – đạo đức, tôn giáo là vấn đề con người chứ không phải là vấn đề nhận thức, ý thức hệ.*

Xưa nay các hệ thống triết học, tư tưởng, tôn giáo luân lý – đạo đức Đông Tây đều bản khoản thân phận con người, những giá trị của con người. Đối với Hồ Chí Minh, giá trị con người hay giá trị làm người mọi việc đều do con người làm ra cả. Đúng là Khổng giáo với những sách như *Luận ngữ* đã tạo cho Hồ Chí Minh mệnh đề *Đạo đức là nhân nghĩa, với đạo Phật đạo đức là từ bi*, với đạo Thiên Chúa *Đạo đức là bác ái* như Người từng viết. Khi trở thành người mác-xít thì đạo đức đó trở thành “độc lập – tự do – chủ nghĩa xã hội” cho dân tộc và con người. Về mặt *đại nhân cách*, Phạm Văn Đồng đã mô tả sâu sắc: “*Cụ Hồ không có cái gì riêng, cái gì của nước của dân là của Người, quyền lợi tối cao nước, lợi ích hàng ngày của dân là sự lo lắng hàng ngày của Người, gia đình của Người là đại gia đình Việt Nam*”

Còn về *tiểu nhân cách* thì Người có lần tự bộc lộ với một nhà báo nước ngoài có cái gì đó thực Lão – Trang: “*Tôi tuyệt nhiên không ham muoson công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gách chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng làm, cũng như người lính vâng mệnh Tổ quốc ra trước mặt trận. Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.*”

Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, trẻ em chăn trâu, không dính líu gì với danh lợi”⁽⁹⁾

Với một con người *trực cảm* như thế, sẽ thuận lợi hơn khi xem xét và giải quyết những vấn đề tôn giáo tín ngưỡng.

Ngày 30/6/1946 nhân đi xem Viện Khảo cổ về loài người ở Paris, Bác có nhận xét “Nhiều dân tộc cũng có những phong tục lạ lùng. Có dân thì trạm trổ khắp mình. Có dân thì khắc vào mặt như những người hát bội ở nước ta vẽ mặt. Có dân thì đặt 2 miếng gỗ tròn vào môi trên và môi dưới, làm cho miệng trều dài ra như mỏ vịt. Có dân thì lấy phấn trắng bôi khắp cả mặt, có dân thì làm cho răng đen sì...Còn nhiều thứ lại nữa không thể tả hết.

Tuy phong tục khác nhau, nhưng có một điều dân nào cũng giống nhau: Điều đó là dân nào cũng ưu sự lành và ghét sự dữ”⁽¹⁰⁾.

Rõ ràng khuynh hướng nghiên cứu tôn giáo tín ngưỡng hiện nay đang hướng về những giá trị văn hóa, đạo đức cũng như “tính cách xã hội học” của nó. Tuy vậy, việc bóc tách những giá trị đó không dễ dàng. Bởi vì, những giá trị về văn hóa, đạo đức trong quan hệ với vấn đề tôn giáo – một hình thái ý thức đặc biệt (cơ sở là một nền thần học – đức tin) rất dễ mâu thuẫn, xung đột.

Hồ Chí Minh thuộc số ít người vượt lên tầm nhân loại, có khả năng giữ được thế quân bình và tìm ra được mẫu số chung của những giá trị đó để làm giàu nhận thức tinh cảm của con người.

Gần đây, có một ý kiến của Hồ Chí Minh trong cuốn *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh* (Bản in ở Thượng Hải, bản Trung văn của Trương Niệm Thúc, Nhà xuất bản Tam Liên – 1949 xuất bản sau 3 năm bản chính in ở Hà Nội 1946) được nhiều nhà nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, về tôn giáo trích dẫn.

Khi được hỏi về chính kiến, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra những so sánh, những nhận xét có tính bản chất về những tôn giáo, những nhân vật lịch sử của nhân loại:

Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là ưu tu dưỡng đạo đức cá nhân.

Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả.

Chủ nghĩa Marx có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả.

Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó là thích hợp với điều kiện nước ta.

⁹ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập V. Tr.230

¹⁰ *Hồ Chí Minh ở Pháp 1946*. NXB Hà Nội – 1995. Tr.42

Không Từ, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôn tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”

Tư tưởng lớn đó của Hồ Chí Minh vẫn nguyên vẹn giá trị, trong lĩnh vực tư tưởng nói chung cũng như trong nghiên cứu tôn giáo nói riêng.

Tư tưởng về tôn giáo tín ngưỡng là một bộ phận của tư tưởng Hồ Chí Minh, một bộ phận có vị trí độc đáo vì nó trực tiếp đụng đến một lĩnh vực tư tưởng, nhận thức rất nhạy cảm.

Trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo tín ngưỡng luôn có sự gắn chặt giữa thực tiễn đấu tranh giai cấp và dân tộc, giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội Hồ Chí Minh ở nước ta và trong điều kiện thế giới chia thành hai hệ thống Xã hội chủ nghĩa và Tư bản chủ nghĩa đối lập nhau quyết liệt. Vấn đề tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam vốn rất đa dạng, phức tạp có tính cách khá tiêu biểu trong sinh hoạt tôn giáo của một quốc gia đa dân tộc, lịch sử lâu đời, nhưng lại tiếp xúc rất sớm với văn minh phương Tây, kể cả khi bị thực dân hóa.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về tôn giáo tín ngưỡng dựa trên những luận điểm chủ yếu của chủ nghĩa Mác – Lê Nin về tôn giáo tín ngưỡng, vừa là sự vận dụng sáng tạo vào điều kiện Việt Nam.

Về mặt chính trị, Người luôn luôn gắn vấn đề tôn giáo tín ngưỡng với Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội, đồng thời luôn coi trọng, khai thác những giá trị tích cực về văn hóa, đạo đức của các tôn giáo làm giàu thêm đời sống tinh thần của xã hội. Đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh, loại bỏ việc lợi dụng tôn giáo tín ngưỡng vào những mục đích chống dân tộc, con người, phản nhân văn.

Cách “chữa căn bệnh tôn giáo” trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ liên quan đến các tôn giáo cụ thể mà còn chống sự tha hóa, biến chất của chính bộ máy nhà nước, Đảng cầm quyền và những vấn đề con người nói chung. Nếu như trong hình ảnh Hồ Chí Minh được khắc họa: “Người như một nhà hiền triết ngày xưa, chịu đau khổ để cứu vớt loài người khỏi cảnh trần luân. Người theo đạo Phật thì liên hệ đến Thích Ca Mâu ni, người theo đạo Hồi thì liên hệ đến với Mahomet, người theo đạo Cơ đốc thì liên hệ tới Chúa Kitô ...Đều là những người cứu rỗi loài người mà bị đóng đinh trên thánh giá, hoặc tự nguyện xuống địa ngục, hoặc bị kẻ thù giết hại. Tất cả chỉ vì chúng sinh” như nhật xét của một trí thức Pháp thì thực không có lời khen nào hơn về chính trị tư tưởng của Người về tôn giáo, tín ngưỡng.